TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRÌ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:**102/2025/DSST**
Ngày: **30/06/2025**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRÌ- TP HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tự Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Long và bà Nguyễn Thị Thu Hà

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Liên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì tham gia phiên tòa: Ông Dương Sơn Tiến – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 06 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Trì xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 75/2025/DS-ST ngày 03/04/2025 về việc về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:115/2025/QĐXX ngày 16/06/2025, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S**

Trụ sở: Số X đường N, phường V, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: **Công ty TNHH MTV quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP S**

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Thanh H, chức vụ: Nhân viên theo Giấy ủy quyền số 3306/2025/UQ-TGĐ ngày 03/04/2025 của ông Phan Tấn D – Tổng giám đốc Công ty SBA trên cơ sở Giấy ủy quyền số 3815/2024/GUQ- PC ngày 10/12/2024 của bà Nguyễn Đức Thạch D- Tổng giám đốc và là người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng TMCP S.

(Ông H vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

*** Bị đơn: Ông Phạm Văn T**, sinh năm 1977

Địa chỉ : Đội X, thôn Đ, xã D, huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội

(Ông T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Toà án, nguyên đơn là Ngân hàng TMCP S do ông Nguyễn Thanh H trình bày:**

Ngày 16/01/2017, ông Phạm Văn T có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 25.000.000 đồng, lãi suất 2,15%/tháng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông Phạm Văn T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 19.996.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 2.214.750 đồng. (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 01/09/2017 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 16/06/2025, ông T còn nợ Ngân hàng số tiền là: 87.687.814 đồng. Trong đó: nợ gốc là 21.600.848 đồng, lãi quá hạn là 66.086.966 đồng.

Nay Ngân hàng khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Phạm Văn T phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 16/06/2025 là 87.687.814 đồng. Trong đó: nợ gốc là 21.600.848 đồng, lãi quá hạn là 66.086.966 đồng.

- Ông T có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 17/06/2025 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ vay cho ngân hàng theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

*** Ông Phạm Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, do đó không có lời khai.**

Tại phiên tòa:

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

- Bị đơn là anh Phạm Văn Toàn vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì phát biểu ý kiến:

Tòa án thụ lý vụ án theo đúng quy định pháp luật. Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Thẩm phán đã xác định đúng và đầy đủ tư cách tham gia tố tụng của nguyên đơn, bị đơn. Về thu thập tài liệu chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 97, Điều 208, Điều 209, Điều 210, Điều 211 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đã thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn là ông Phạm Văn T mặc dù đã được tống đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" của Ngân hàng TMCP S đối với ông Phạm Văn T

2. Buộc ông Phạm Văn T phải thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm tính đến ngày 30/06/2025 gồm: Nợ gốc: 21.600.848 đồng; Nợ lãi quá hạn: 66.412.060 đồng.Tổng cộng: 88.012.908 đồng.

Buộc ông Phạm Văn T tiếp tục phải trả lãi theo lãi suất quá hạn được thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng; Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản vay.

3. Về án phí: Ông Phạm Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về thẩm quyền: Nguyên đơn là Ngân hàng TMCP S có đơn khởi kiện yêu cầu ông Phạm Văn T trả tiền nợ vay. Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 16/01/2017 giữa Ngân hàng và ông Phạm Văn T đã xác lập quan hệ tín dụng vay tài sản, mục đích vay là để tiêu dùng cá nhân. Do đó, Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu ông Phạm Văn T trả số tiền nợ thẻ tín dụng gồm nợ gốc và lãi còn nợ. Đây là vụ án dân sự về "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*". Ông Phạm Văn T có nơi thường trú tại: Đội X, thôn Đ, xã D, huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2]. Về tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì đã tống đạt hợp lệ cho ông Phạm Văn T Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, thông báo về phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải nhưng ông T đều vắng mặt không có lý do.

Ngày 16/06/2025, Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì ra quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2025/QĐXX và ấn định phiên tòa được mở vào hồi 14 giờ 00’ ngày 30/06/2025. Quyết định đưa vụ án ra xét xử đã được tống đạt hợp lệ cho ông T. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 30/06/2025, ông T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đồng thời đại diện nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S

Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 16/01/2017 và Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng do Ngân hàng cung cấp cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thì có đủ cơ sở xác định giữa ông Phạm Văn T và Ngân hàng có quan hệ vay tiền qua hình thức sử dụng thẻ tín dụng.

Các văn bản tín dụng trên đều được các bên ký kết tự nguyện, những người tham gia ký kết có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, đúng thẩm quyền, nội dung không trái pháp luật và đạo đức xã hội, hình thức của hợp đồng, giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng và các văn bản tín dụng khác phù hợp với quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành đối với các bên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 19.996.000 đồng, đã trả được 2.214.750 đồng. Như vậy ông T còn phải thanh toán số tiền 17.781.250 đồng và 3.819.598 đồng gồm: Phí chậm trả:614.785 đồng, lãi trong hạn: 2.905.813 đồng, phí khác: 299.000 đồng. Tổng dư nợ gốc là 21.600.848 đồng. Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 2 Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng. Ngày 01/09/2017, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Do đó số tiền nợ gốc ông T phải trả cho Ngân hàng là 21.600.848 đồng như đại diện Ngân hàng trình bày là có cơ sở

Đối với khoản tiền lãi, căn cứ của Điều 26 Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quy định: “Việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của chủ thẻ cho đến kỳ phát hành thông báo tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm hợp đồng. Trong trường hợp này, toàn bộ tổng dư nợ sẽ trở nên đến hạn ngay lập tức và chủ thẻ phải thanh toán. Chấm dứt quyền sử dụng thẻ và tiến hành các biện

pháp thu hồi toàn bộ nợ. Áp dụng lãi suất quá hạn là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại".

Như vậy số tiền lãi quá hạn ông T phải trả cho Ngân hàng như sau:

Từ ngày 01/09/2017 đến này 30/06/2025 là 2.860 ngày, cụ thể:

Lãi suất ngày: 21.600.848 đồng x (2,15 % x 150%)/30 = 23.221 đồng/ngày

Tổng số tiền lãi quá hạn: 23.221 đồng x 2.860 ngày = 66.412.060 đồng

Ngân hàng xác định ông T còn nợ số tiền lãi quá hạn tính đến ngày 30/06/2025 là 66.412.060 đồng là có căn cứ.

Do đó Ngân hàng yêu cầu ông T phải trả tổng số tiền nợ gốc và lãi quá hạn tạm tính đến ngày 30/06/2025 gồm: Nợ gốc: 21.600.848 đồng; Nợ lãi quá hạn: 66.412.060 đồng. Tổng cộng: 88.012.908 đồng là có cơ sở chấp nhận. Buộc ông T phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền nợ trên ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông Phạm Văn T còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, kể từ thời điểm xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết khoản nợ cho Ngân hàng là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 90; 91; 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng.

[4] Về án phí: Ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trả lại Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 203, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ các Điều 90; 91; 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng;

- Các Điều 119, 429, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S.

Buộc ông Phạm Văn T phải có trách nhiệm thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP S theo Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng ngày 16/01/2017 số tiền

tạm tính đến ngày 30/06/2025, các khoản gồm: Nợ gốc: **21.600.848 đồng**; Nợ lãi quá hạn: **66.412.060 đồng**. Tổng cộng: **88.012.908 đồng** (Tám mươi tám triệu không trăm mười hai nghìn chín trăm linh tám đồng)

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Ngân hàng TMCP S, ông Phạm Văn T còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng; Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S kể từ thời điểm xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí:

Ông Phạm Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là **4.400.645 đồng** (Bốn triệu bốn trăm nghìn sáu trăm bốn mươi năm đồng)

Hoàn trả Ngân hàng TMCP S **2.060.000 đồng** (Hai triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng) số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0056639 ngày 03/04/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Trì.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *TAND TP Hà Nội*
- *VKS, Chi cục THADS huyện Thanh Trì*
- *Các đương sự*
- *Lưu hồ sơ vụ án; VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Tự Hiếu